

Số: 20/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 14 tháng 7 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc phê duyệt tổng số lượng người làm việc (biên chế viên chức) năm 2023 hưởng lương từ ngân sách Nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và các Hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Thực hiện Kế hoạch số 108-KH/TU ngày 06 tháng 03 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và sử dụng biên chế cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2023 - 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 1945-QĐ/BTCTW ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Trưởng ban Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Trà Vinh năm 2023;*

*Xét Tờ trình số 2243/TTr-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Nghị quyết phê duyệt tổng số lượng người làm việc (biên chế viên chức) năm 2023 hưởng lương từ ngân sách Nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và các Hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt tổng số lượng người làm việc (biên chế viên chức) năm 2023 hưởng lương từ ngân sách Nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và các Hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương là 16.671 biên chế viên chức, cụ thể như sau:

1. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập là 16.566 biên chế viên chức, cụ thể:

- Sự nghiệp giáo dục và đào tạo là 14.333 biên chế viên chức.
- Sự nghiệp y tế là 1.239 biên chế viên chức.

- c) Sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể thao và du lịch là 329 biên chế viên chức.
- d) Sự nghiệp nông nghiệp và phát triển nông thôn là 339 biên chế viên chức.
- đ) Sự nghiệp khác là 292 biên chế viên chức.
- e) Nguồn biên chế viên chức dự phòng của tỉnh là 34 biên chế viên chức.

(Đính kèm Phụ lục I).

2. Đối với các tổ chức hội có tính chất đặc thù (các Hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương) là 105 biên chế viên chức, cụ thể:

a) Tổng số lượng người làm việc trong các tổ chức hội cấp tỉnh là 78 biên chế viên chức.

b) Tổng số lượng người làm việc trong các tổ chức hội cấp huyện là 27 biên chế viên chức.

(Đính kèm Phụ lục II).

## **Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm**

1. Quyết định giao cụ thể số lượng biên chế viên chức cho các sở, ban, ngành tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức hội có tính chất đặc thù (các Hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương) theo quy định.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ: Quyết định điều chuyển, tăng, giảm số biên chế viên chức giữa các đơn vị sự nghiệp công lập trong tổng số lượng người làm việc đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt năm 2023 và báo cáo kết quả thực hiện đến Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Chỉ đạo các tổ chức, đơn vị thực hiện nghiêm chủ trương tinh giản biên chế theo quy định (trừ giáo viên đứng lớp, bác sĩ, y sĩ, điều dưỡng trên giường bệnh).

3. Quản lý chặt chẽ việc tuyển dụng, sử dụng số lượng người làm việc (biên chế viên chức) của các tổ chức, đơn vị.

## **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X - kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023./. *KW*

### **Nơi nhận:**

- UBND, Chính phủ;
- Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ;
- Ban Công tác đại biểu - UBND;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: NV, TC, TP, Cục Thống kê tỉnh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Kim Ngọc Thái**





**Phụ lục I**  
**SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC (BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC) NĂM 2023**  
**HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG CÁC ĐƠN VỊ**  
**SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

*(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)*

TT	Đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước năm 2023	Ghi chú
<b>TỔNG CỘNG:</b>		<b>16.566</b>	
<b>A</b>	<b>Sự nghiệp giáo dục và đào tạo</b>	<b>14.333</b>	
<b>I</b>	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo các trường THPT, THCS, TH, MN-MG và các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	14.077	
1	Các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	2.089	
2	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện	11.878	
3	Trường thực hành sư phạm trực thuộc Trường Đại học Trà Vinh	110	
<b>II</b>	Các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX cấp huyện và Trung tâm hỗ trợ nông dân trực thuộc Hội Nông dân, Trường Cao đẳng nghề Trà Vinh	256	
1	Trường Cao đẳng nghề Trà Vinh	59	
2	Các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện	192	
3	Trung tâm Hỗ trợ Nông dân trực thuộc Hội Nông dân tỉnh	5	
<b>B</b>	<b>Sự nghiệp y tế</b>	<b>1.239</b>	
<b>I</b>	Tuyển tỉnh	234	
<b>II</b>	Tuyển huyện (bao gồm các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn)	1.005	

TT	Đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước năm 2023	Ghi chú
<b>C</b>	<b>Sự nghiệp Văn hóa - Thông tin - Thể thao - Du lịch</b>	<b>329</b>	
<b>I</b>	Các đơn vị trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	182	
<b>II</b>	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao cấp huyện	147	
<b>D</b>	<b>Sự nghiệp Nông nghiệp</b>	<b>339</b>	
<b>I</b>	Các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	230	
<b>II</b>	Sự nghiệp nông nghiệp cấp huyện	109	
<b>Đ</b>	<b>Sự nghiệp khác</b>	<b>292</b>	
<b>I</b>	Sự nghiệp trực thuộc Sở Khoa học Công nghệ	18	
<b>II</b>	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư	15	
<b>III</b>	Trung tâm sinh hoạt thanh thiếu nhi	10	
<b>IV</b>	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông	22	
<b>V</b>	Trung tâm lưu trữ lịch sử trực thuộc Sở Nội vụ	14	
<b>VI</b>	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại trực thuộc Sở Công Thương	23	
<b>VII</b>	Sự nghiệp trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	29	
<b>VIII</b>	Sự nghiệp trực thuộc Sở Giao thông vận tải và Thường trực Ban An toàn giao thông	44	
<b>IX</b>	Sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	93	
<b>X</b>	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước trực thuộc Sở Tư pháp	18	

KW

TT	Đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước năm 2023	Ghi chú
XI	Sự nghiệp khác thuộc UBND cấp huyện (trung tâm hành chính công cấp huyện)	6	
E	Biên chế dự phòng	34	

KW





**Phụ lục II**

**SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC (BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC) NĂM 2023  
HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG CÁC TỔ  
CHỨC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ (CÁC HỘI ĐƯỢC ĐẢNG, NHÀ  
NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ Ở ĐỊA PHƯƠNG)**

*(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)*

TT	Đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước năm 2023	Ghi chú
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>105</b>	
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>78</b>	
1	Hội Thủy sản và Làm vườn tỉnh Trà Vinh	7	
2	Hội Bảo trợ người khuyết tật và nạn nhân chất độc da cam/dioxin tỉnh Trà Vinh	7	
3	Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Trà Vinh	7	
4	Ban đại diện Hội Người cao tuổi	3	
5	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	8	
6	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh	6	
7	Hội Đông y - Châm cứu	5	
8	Hội Nhà báo	2	
9	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	13	
10	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	10	
11	Hội Khuyến học	3	
12	Hội Luật gia	3	
13	Hiệp hội doanh nghiệp	4	
<b>II</b>	<b>Cấp huyện (Hội Chữ thập đỏ)</b>	<b>27</b>	
1	Huyện Càng Long	3	
2	Thị xã Duyên Hải	3	
3	Huyện Duyên hải	3	

TT	Đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước năm 2023	Ghi chú
4	Huyện Tiểu Cần	3	
5	Huyện Trà Cú	3	
6	Huyện Cầu Kè	3	
7	Huyện Châu Thành	3	
8	Huyện Cầu Ngang	3	
9	Thành phố Trà Vinh	3	

KW